

Số: 01/2018/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/20015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ, ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015 của Liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU - HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH;
- CT, các PCT.UBND, Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, 6.01.04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đã ký: Lê Quang Trung**

## QUY ĐỊNH

**Định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /2018/QĐ-UBND  
ngày 31 /01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố tham gia quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

##### Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

a. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Quyết định này áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

b. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

### Chương II

#### KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

##### Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1. Tổng mức kinh phí đầu tư cho một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không quá **80.000.000 đồng** (Tám mươi triệu đồng)

2. Dự toán tiền công lao động trực tiếp.

a. Dự toán tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/ngày) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

b. Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$$

Trong đó:

$T_c$ : Dự toán tiền công của chức danh

$L_{cs}$ : Lương cơ sở do Nhà nước quy định

$H_{stcn}$ : Hệ số tiền công ngày

$S_{nc}$ : Số ngày công làm việc cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chức danh

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo Bảng 1.

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Chức danh	Hệ số tiền công ( $H_{stcn}$ )
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ	0.24
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học	0.15
3	Thành viên	0.08
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0.05

Dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp của các chức danh gồm: Chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học và thành viên.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và báo giá có liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

5. Định mức chi cho nội dung hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu tính theo Bảng 2.

Bảng 2: Định mức chi cho nội dung hội thảo khoa học

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Người chủ trì	Hội thảo	450
2	Thư ký hội thảo	Hội thảo	150
3	Báo cáo tham luận	Báo cáo	300
4	Thành viên tham gia hội thảo	Hội thảo	60

6. Định mức chi cho nội dung điều tra, khảo sát, thu thập số liệu được tính theo quy định hiện hành.

7. Định mức chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan chủ trì bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

8. Khoản chi: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số: 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

9. Các khoản chi khác không có trong quy định này thì được xây dựng dự toán trên cơ sở khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

#### **Điều 5: Định mức chi cho nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Định mức chi cho nội dung hoạt động của các Hội đồng tư vấn được tính theo Bảng 3.

Bảng 3: Định mức chi cho nội dung hoạt động của các Hội đồng tư vấn

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và	Hội đồng	

	<b>công nghệ</b>		
1.1	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
	Chủ tịch Hội đồng		300
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		240
	Thư ký hành chính		90
	Đại biểu được mời tham dự		60
1.2	Chi nhận xét, đánh giá	Phiếu nhận xét, đánh giá	
	Nhận xét, đánh giá của ủy viên Hội đồng		90
	Nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		150
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn giao trực tiếp tổ chức cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
2.1	Chi họp Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		450
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		300
	Thư ký hành chính		90
	Đại biểu được mời tham dự		60
2.2	Chi nhận xét, đánh giá	Phiếu nhận xét, đánh giá	
	Nhận xét, đánh giá của ủy viên Hội đồng		150
	Nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		210
<b>3</b>	<b>Chi họp thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	210
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	150
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	90
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	60
<b>4</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
4.1	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		450
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		300
	Thư ký hành chính		90
	Đại biểu được mời tham dự		60
4.2	Chi nhận xét, đánh giá	Phiếu nhận xét, đánh giá	
	Nhận xét, đánh giá của ủy viên Hội đồng		150
	Nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện trong		210

Hội đồng		
----------	--	--

2. Dự toán chi cho công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan quản lý.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Những quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mà không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Liên bộ tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đối với các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước đã được phê duyệt và triển khai thực hiện trước thời điểm quyết định này có hiệu lực, thì áp dụng theo các quy định tại thời điểm được phê duyệt.

3. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

#### **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính triển khai áp dụng quy định này trong phạm vi toàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đã ký: Lê Quang Trung**